

Số: 448/KH-UBND

An Giang, ngày 05 tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề,
làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025**

Phần 1

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN VÀ
CÔNG TÁC BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2022**

I. Tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn năm 2022:

- Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2022 về kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức cho các cơ sở làng nghề, ngành nghề trên địa bàn tỉnh tham gia trưng bày sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh; tuyên truyền, vận động các nghệ nhân thuộc các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề tham gia Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ năm 2022;

- Hỗ trợ đầu tư đổi mới máy, thiết bị cho các cơ sở ngành nghề nông thôn; tổ chức 03 lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý ngành nghề và làng nghề cấp huyện, xã; thường xuyên rà soát cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề đảm bảo yêu cầu về môi trường theo quy định;

- Khảo sát, đánh giá thực trạng làng nghề, ngành nghề trên địa bàn tỉnh, ưu tiên khảo sát làng nghề, ngành nghề có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và sản phẩm tiềm năng, đặc sản, lợi thế của làng nghề, ngành nghề đăng ký tham gia Chương trình OCOP để làm cơ sở để UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn tỉnh An Giang hàng năm; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống giai đoạn 2022-2025;

- Thực hiện Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực nguồn lao động phục vụ phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn: đào tạo cho lao động nông thôn được 100 lớp với tổng kinh phí thực hiện 1,572 tỷ đồng, tổng số học viên tham gia 2.800 học viên; xây dựng 5 mô hình tiên tiến với kinh phí 58 triệu đồng; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững: tổng số lao động tham gia học nghề là

1.240 người, tổng kinh phí hỗ trợ trên 600 triệu đồng; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn thuộc Chương trình quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tổng số lao động tham gia học nghề là 60 người, kinh phí hỗ trợ trên 40 triệu đồng.

II. Kết quả phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và công tác bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề năm 2022:

1. Kết quả phát triển ngành nghề nông thôn (xem Phụ biểu 1 đính kèm)

Tổng hợp báo cáo từ các địa phương năm 2022 lĩnh vực ngành nghề nông thôn, đạt được kết quả như sau:

- Doanh thu của các cơ sở ngành nghề nông thôn thuộc 04 lĩnh vực (phân theo 07 nhóm ngành của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn): chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, cơ khí nhỏ; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn, với tổng doanh thu đạt 810 tỷ đồng (năm 2021 là 690 tỷ đồng), gồm 06 doanh nghiệp, 02 hợp tác xã và 2.801 hộ sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho 9.110 lao động (năm 2021 là 3.058 lao động) với mức thu nhập bình quân từ 4,5 - 6 triệu đồng/người/tháng;

- Lao động tham gia sản xuất tại các cơ sở đa số là lao động tại địa phương, sản xuất chủ yếu bằng thủ công, một số ít cơ sở có áp dụng cơ giới hóa, trang thiết bị vào quá trình sản xuất; thị trường tiêu thụ chính của các sản phẩm ngành nghề nông thôn trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

2. Kết quả phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận (xem Phụ biểu 2 đính kèm).

- Hiện nay, toàn tỉnh có 29 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt “*tiêu chí làng nghề tiểu thủ công nghiệp tỉnh An Giang*”; trong đó, có 14 làng nghề và 15 làng nghề truyền thống với 3.706 hộ sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm cho 12.266 lao động, trong đó lao động có việc làm thường xuyên 10.265 lao động với mức thu nhập bình quân từ 0,9 - 8 triệu đồng/người/tháng. Doanh thu của các làng nghề trong năm 2022 ước đạt 168 tỷ đồng;

- Phần lớn các làng nghề hoạt động sản xuất quanh năm, một số ít làng nghề sản xuất mang tính thời vụ: lợp lươn Cần Đăng, lợp cua Mỹ Đức... thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề chủ yếu là trong nước. Hiện nay, một số cơ sở tích cực tìm kiếm thị trường thông qua các kỳ hội chợ, triển lãm nhằm quảng bá hình ảnh và sản phẩm: đường thốt nốt, rên, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ,...

- Công tác bảo vệ môi trường làng nghề: hiện có 19/29 làng nghề đã thành lập tổ tự quản về bảo vệ môi trường với số lượng nhân sự gồm 332 người và có 12/29 làng nghề đã đưa nội dung bảo vệ môi trường làng nghề vào hương ước, quy ước của địa phương. Ngoài ra, việc thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường tại các làng nghề đã được đảm bảo thu gom, quản lý, xử lý tốt;

- Công tác xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu bước đầu đã được một số cơ sở làng nghề quan tâm, chú trọng thực hiện: sản phẩm tơ lụa Tân Châu, sản phẩm dệt thổ cẩm Khmer Văn Giáo, sản phẩm tinh dầu chúc Yến Hương,...

III. Nhận xét, đánh giá:

1. Thuận lợi

- Các lĩnh vực ngành nghề nông thôn, làng nghề năm 2022 được duy trì hoạt động ổn định và có sự phát triển, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo ở nông thôn; các cơ sở ngành nghề nông thôn đã tạo ra sản phẩm hàng hoá ngày càng phong phú, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ trên địa bàn, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn;

- Một số cơ sở đã mạnh dạn đầu tư máy móc, áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, các sản phẩm thuộc nhóm ngành có nguy cơ ô nhiễm môi trường như chế biến các sản phẩm từ thủy sản như: khô, mắm, nước mắm, bún, rượu,... đã quan tâm đến việc xử lý chất thải để bảo vệ môi trường, tiến tới mạnh dạn tham gia sản phẩm OCOP nhằm tăng khả năng cạnh tranh thị trường và tiêu thụ sản phẩm;

- Việc xây dựng thương hiệu, đăng ký nhãn hiệu đã được một số cơ sở làng nghề quan tâm; hoạt động truyền nghề, nâng cao tay nghề và phát triển nghề ngày càng được liên kết chặt chẽ giữa cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp; sự phát triển của du lịch làng nghề là một yếu tố quan trọng góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế khu vực nông thôn giúp các địa phương sớm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề được thực hiện thông qua các hoạt động hỗ trợ đào tạo tập huấn; hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xúc tiến thương mại trong năm cũng đạt được nhiều thành tựu đáng kể, góp phần vào công tác duy trì và phát triển làng nghề tại địa phương.

2. Khó khăn, hạn chế

- Ngành nghề nông thôn phát triển còn chậm, mang tính tự phát và quy mô nhỏ lẻ, đa phần còn sử dụng công nghệ trang thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm chưa cao và kém sức cạnh tranh, chưa chú trọng xây dựng thương hiệu, sản phẩm lưu niệm phục vụ du lịch chưa nhiều; việc tiếp cận các nguồn vốn còn hạn chế, khó khăn trong mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh nhất là khả năng thay thế, trang bị các thiết bị, máy móc, đổi mới công nghệ sản xuất;

- Công tác đào tạo nghề, truyền nghề đã được quan tâm chỉ đạo, nhưng kết quả đạt được chưa cao nên lao động có tay nghề còn thiếu; một số nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một do sự cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp cùng loại như: nghề đan đất, nghề rèn...;

- Cơ sở hạ tầng trong các làng nghề còn hạn chế; việc áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp chưa được triển khai đồng bộ; các cơ sở của làng nghề thường nằm đan xen trong các khu dân cư nên việc phát triển sản xuất và xử lý môi trường gặp nhiều khó khăn; trong 29 làng nghề, làng nghề truyền thống của tỉnh được UBND tỉnh công nhận, còn nhiều làng nghề chưa được đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường, căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022, Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh, chỉ tiêu làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường là chỉ tiêu bắt buộc đạt yêu cầu theo quy định xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao;

- Trình độ quản lý của làng nghề truyền thống còn hạn chế, quy mô hộ gia đình, nhỏ lẻ nên việc tổ chức sản xuất theo mô hình kinh tế tập thể (tổ liên kết sản xuất, HTX,...) còn chậm chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế địa phương;

- Hiện nay có 21 làng nghề, làng nghề truyền thống chưa đảm bảo quy mô số hộ tham gia hoạt động ngành nghề trên địa bàn so với tiêu chí công nhận làng nghề theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Phần 2

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

I. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung

- Duy trì sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề, ngành nghề truyền thống; đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích thành lập mới các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để nâng cao năng lực sản xuất;

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, đồng thời phát triển thêm nghề mới phù hợp với từng địa phương để đa dạng hóa sản phẩm ngành nghề; giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân;

- Hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, các trang thiết bị, công nghệ,... vào sản xuất nhằm tăng số lượng, chất lượng sản phẩm các làng nghề, tạo điều kiện tốt kết nối tiêu thụ với phát triển du lịch của các địa phương nhằm tiếp cận, quảng bá sản phẩm địa phương với khách du lịch trong và ngoài nước;

- Khuyến khích và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần thực hiện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Khôi phục, phát triển, công nhận ít nhất 01 làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ;

- Rà soát các làng nghề đã được công nhận theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ;

- Thực hiện tốt các dự án phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống theo từng ngành nghề, từng lĩnh vực;

- Hỗ trợ cơ sở ngành nghề, làng nghề xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại,...;

- Hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất, đa dạng hóa các sản phẩm đối với ngành nghề nông thôn, làng nghề phù hợp với thị trường tiêu thụ gắn với phát triển du lịch của địa phương, góp phần hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh An Giang.

II. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

1. Công nhận làng nghề

Hàng năm các cơ quan, đơn vị được phân công theo dõi quản lý đề xuất, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận làng nghề (Thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7 của Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh).

2. Hỗ trợ phát triển làng nghề

Thực hiện tốt Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang và các chính sách có liên quan khác.

3. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

- Xây dựng, thực hiện các dự án phát triển ngành nghề theo quy định của Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh;

- Các nội dung hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn: thông tin, tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, khảo sát, học tập kinh nghiệm; tư vấn và dịch vụ phát triển ngành nghề nông thôn,... thực hiện theo hướng dẫn cơ chế tài chính của các chương trình khuyến nông, khuyến công, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và chương trình, dự án khác có liên quan.

4. Phát triển các ngành sản xuất

- *Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản*: phát triển sản xuất theo hướng tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng miền; khuyến khích các cơ sở chế biến nông sản đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất; đầu tư nâng cấp mặt bằng sản xuất; thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường nhất là lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản; khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đầu tư nhà xưởng, thiết bị, đổi mới công nghệ chế biến thịt và các phụ phẩm từ thịt; đa dạng hóa sản phẩm, phục vụ nhu cầu thị trường;

- *Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ*: hỗ trợ việc áp dụng khoa học công nghệ và các thiết bị sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh sản phẩm;

- *Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ*: duy trì các ngành nghề sản xuất đồ gỗ truyền thống đặc thù của địa phương, củng cố và mở rộng một số cơ sở may công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát triển mạnh các mặt hàng: nón lá, mây tre, đan lát; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác để bao tiêu sản phẩm cho người dân; phát triển cơ khí, sửa chữa máy và thiết bị dùng trong nông nghiệp,... khuyến khích cơ sở nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường;

- *Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh*: Hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ sinh vật cảnh để tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, mở các lớp đào tạo nghề về hoa, cây kiểng; đẩy mạnh phát triển mô hình hợp tác xã sinh vật cảnh nhằm tập hợp nguồn vốn và nghệ nhân nhằm tạo nền tảng tốt cho việc thực hiện các hợp đồng cung ứng các sản phẩm; thành lập tổ tư vấn sản phẩm để chủ thể có thể tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP;

- Các dịch vụ phục vụ sản xuất, du lịch và đời sống dân cư nông thôn: phát triển mạnh các loại hình dịch vụ nông thôn như: dịch vụ sản xuất nông nghiệp, buôn bán, dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt nông thôn; dịch vụ ăn uống, giải trí, văn hóa, nghệ thuật,... Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp: thu hoạch, làm đất, vận chuyển vật tư phân bón và các dịch vụ sau thu hoạch (phơi, sấy, chế biến sản phẩm, đóng gói thành phẩm...), nhằm định hướng tham gia sản phẩm OCOP thuộc nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

5. Bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống

- Chú trọng xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm làng nghề; khuyến khích thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác trong làng nghề; huy động nguồn vốn, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa một số công đoạn sản xuất, tiếp tục bảo tồn và phát triển các làng nghề đang hoạt động, có khả năng phát triển;

- Khôi phục và phát triển các nghề và làng nghề truyền thống của địa phương có chiều hướng bị mai một nhưng đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; triển khai các ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của địa phương nơi có điều kiện về nguyên liệu, lao động và cơ sở hạ tầng và có khả năng phát triển. Chú trọng các nghề có khả năng thu hút lao động, vốn đầu tư công nghệ và kỹ thuật phù hợp, trong đó quan tâm đến thị hiếu và thị trường tiêu thụ. Nghiên cứu để du nhập một số ngành nghề, sản phẩm mới có lợi thế về nguyên liệu, có thị trường tiêu thụ, sử dụng nhiều lao động nông thôn để có định hướng chuyển đổi nghề cho người dân;

- Phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, đặc biệt chú trọng những sản phẩm có chất lượng cao, mang tính truyền thống đặc trưng của nghề ở địa phương như: sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực của làng nghề gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm của tỉnh.

6. Đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường:

- Tuyên truyền, vận động các cơ sở doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, hệ thống xử lý nước thải, trang thiết bị thu gom chất thải,... nhằm đảm bảo môi trường theo trong quá trình sản xuất;

- Lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án, nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn huy động hợp pháp khác,... đầu tư cơ sở hạ tầng (*hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung...*) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành.

III. Kế hoạch hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề, làng nghề truyền thống giai đoạn 2023 - 2025:

1. Nhu cầu hỗ trợ:

Nhằm mục tiêu duy trì và phát triển ngành nghề nông thôn, các làng nghề, làng nghề truyền thống với các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, chủ lực của địa phương, các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với phát triển du lịch nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình OCOP. Căn cứ Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 01/2023/NQ-UBND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp

thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản chính sách có liên quan, nhu cầu danh mục để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

- Danh mục cần hỗ trợ giai đoạn 2023 - 2025 là: 26 danh mục, cụ thể:
- + Năm 2023: 04 danh mục;
- + Năm 2024: 13 danh mục;
- + Năm 2025: 9 danh mục.

(Nội dung chi tiết xem Phụ biểu 3 đính kèm)

- Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn vốn trung ương, vốn ngân sách tỉnh, vốn đối ứng của người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác trên cơ sở rà soát, khảo sát nhu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách hàng năm để bố trí kinh phí hỗ trợ phù hợp.

2. Nội dung hỗ trợ:

Đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 01/2023/NQ-UBND ngày 30/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số nội dung thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang và các văn bản chính sách có liên quan.

IV. Giải pháp thực hiện:

1. Về tiếp cận chính sách

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề gắn việc bảo vệ môi trường sinh thái; tạo điều kiện cho các hộ, cơ sở hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành.

2. Về mặt bằng sản xuất

Rà soát, bố trí phát triển ngành nghề nông thôn gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quy hoạch tạo quỹ đất để tập trung các cơ sở chế biến nông - lâm - thủy sản đảm bảo các tiêu chí theo quy định của pháp luật; hướng dẫn và tạo điều kiện cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trong việc giao đất, thuê đất sản xuất theo quy định; ưu tiên bố trí đất cho các cơ sở ngành nghề sản xuất vào các khu, cụm tiểu thủ công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi về việc thuê mặt bằng dài hạn nhằm ổn định sản xuất.

3. Về vốn đầu tư

Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng đến các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, đồng thời đơn giản hóa thủ tục vay vốn để tăng cường khả năng tiếp cận của các cơ sở. Ban hành các cơ chế, chính sách giúp cơ sở ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; kết hợp

sử dụng lồng ghép nguồn vốn các Chương trình như: Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm để triển khai thực hiện.

4. Về xúc tiến thương mại

Tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại và kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; nghiên cứu, lựa chọn các làng nghề và sản phẩm làng nghề tiêu biểu để xây dựng thương hiệu; tổ chức tham gia các kỳ hội chợ về ngành nghề, làng nghề nông thôn nhằm tuyên truyền, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm đến thị trường trong và ngoài nước.

5. Về khoa học công nghệ

- Tiếp tục triển khai các đề tài, dự án hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho các lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề để góp phần tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của làng nghề, ngành nghề nông thôn; khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ các làng nghề đăng ký xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ cho các nhóm ngành, nghề truyền thống... theo các chính sách của ngành khoa học và công nghệ đang thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang như: (i) Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang; (ii) Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nhãn hiệu chứng nhận An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của ngành nghề nông thôn, ưu tiên cho các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ; có chính sách hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất sản phẩm.

6. Về đào tạo nguồn nhân lực

Tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó chú trọng công tác đào tạo tay nghề tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, hỗ trợ tạo việc làm cho lao động ngành nghề nông thôn; có chính sách ưu đãi lao động có tay nghề tốt, thu hút các nghệ nhân, thợ giỏi,... tham gia đào tạo nghề cho người dân.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Triển khai thực hiện và đôn đốc các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện tốt kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025;

- Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh chỉ đạo các nội dung tăng cường quản lý và phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

- Đầu mối tổng hợp các dự án từ UBND cấp huyện và phối hợp các sở, ngành liên quan trình UBND tỉnh xem xét quyết định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh An Giang;

- Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm và giai đoạn, báo cáo UBND tỉnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế và nhu cầu kinh phí của các địa phương, cơ quan đơn vị liên quan, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh

Căn cứ vào khả năng cân đối kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hàng năm, phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, lồng ghép nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề và ngành nghề nông thôn.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức thực hiện việc đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn theo hướng dẫn từ Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan khảo sát các làng nghề, làng nghề truyền thống về nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường tại các làng nghề, làng nghề truyền thống để đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, nhằm góp phần bảo vệ môi trường chung của tỉnh. Từ đó đề xuất kế hoạch hỗ trợ thực hiện hàng năm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ các làng nghề và ngành nghề nông thôn ứng dụng và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019;

- Hướng dẫn, hỗ trợ các làng nghề đăng ký xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; hỗ trợ khai thác, phát triển tài sản trí tuệ của các làng nghề theo Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hỗ trợ trung bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống và ngành nghề nông thôn tại bảo tàng, các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh; đồng thời gắn kết các chương trình du lịch của địa phương tạo điều kiện cho các cơ sở quảng bá, kết nối tiêu thụ các sản phẩm của làng nghề, làng nghề truyền thống và ngành nghề nông thôn;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố chọn điểm phục dựng sản xuất sản phẩm các làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với tour, tuyến du lịch của tỉnh.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các đơn vị, địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, hợp tác xã, tổ hợp tác theo quy định.

9. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

- Hỗ trợ các cơ sở trong làng nghề và ngành nghề nông thôn tham gia xúc tiến thị trường, tham gia các kỳ hội chợ trong và ngoài tỉnh để tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm...Hỗ trợ thiết kế mẫu mã sản phẩm cho các cơ sở, làng nghề, ngành nghề nông thôn;

- Thông tin và hỗ trợ các cơ sở, làng nghề, ngành nghề nông thôn tham gia các chương trình như: Hội thảo, hội nghị kết nối cung cầu, kết nối giao thương.

10. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vận động, tuyên truyền về các chủ trương chính sách phát triển, bảo tồn các làng nghề, ngành nghề nông thôn cho các đoàn viên, hội viên và tổ chức, cá nhân cùng tham gia bảo tồn, phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

11. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lồng ghép các chương trình mục tiêu với Kế hoạch này để triển khai thực hiện.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn ở địa phương được phê duyệt tại Kế hoạch này; xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, bảo tồn làng nghề truyền thống gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung;

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn đến các cơ sở ngành nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống; hướng dẫn các cơ sở sản xuất ngành nghề xây dựng các chương trình, dự án để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước;

- Xây dựng kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn hàng năm ở địa phương, chủ động cân đối bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án phát triển làng nghề, ngành nghề;

- Chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống trên địa bàn mình quản lý; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn;

- Báo cáo danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống chưa bảo đảm các yêu cầu quy định tại Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh An Giang về Quy định phân công quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang và khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 04/12/2020; đề Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tham mưu UBND tỉnh thu hồi quyết định công nhận đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống (trong thời gian 36 tháng kể từ ngày Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 có hiệu lực thi hành).

13. Chế độ báo cáo

Các đơn vị được phân công thực hiện kế hoạch này, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện **chậm nhất đến ngày 15/12** về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống của đơn vị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023 - 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN & PTNT;
- Cục KTHT và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng KTN;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư